TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:48 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-6- 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Ái

2. Ông Nguyễn Văn Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Cao Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Ngọc - *Kiểm sát viên*.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy **D**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh **B**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh T.

NỘI D VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy **D** trình bày:*

Chị và anh **B** chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74 ngày 14/11/2018. Sau khi cưới thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xung

đột, bất đồng quan điểm, cự cãi thường xuyên. Dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa hợp được. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay **chị** yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh **B.**

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đăng **KH**, sinh ngày 21/4/2019. Ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy **D** yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thanh **B** trình bày: **Anh** thống nhất với chị **D** về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị **D, anh** có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị **B.** Do anh vẫn còn thương vợ và con.

- Về con chung**: C**ó 01 con chung tên Nguyễn Đăng **KH**, sinh ngày 21/4/2019. Anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa buộc ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị **D** nuỗi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Nguyễn Thị Thùy **D** cho rằng chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Thanh **B** nên cương quyết ly hôn và đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chỉ chị yêu cầu anh **B** cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh **B** thay đổi lời trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị **D** do không còn tình cảm với chị, nếu Tòa cho ly hôn thì về con chung anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị **D.** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị **D** là có căn cứ, do cả hai đã thỏa thuận được toàn bộ vụ án nên Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị **D** và anh **B**, về hôn nhân cho chị **D** và anh **B** được thuận tình ly hôn; về con chung cả hai thỏa thuận giao cho chị **D** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được, anh **B** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung do cả hai xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy **D** và anh Nguyễn Thanh **B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 074 ngày 14 tháng 11 năm 2018. Ngày 07/01/2020 chị **D** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **B**, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội **D** đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **B**, cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy **D** và anh Nguyễn Thanh **B** hôn nhân có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị **D** và anh **B** thì sau khi cưới năm 2018 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẩn xung đột, bất đồng quan điểm, cự cãi thường xuyên. Dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa hợp được. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị **D** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa, dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về hậu quả của việc ly hôn nhưng phía chị **D** vẫn cương quyết ly hôn. Anh **B** đồng ý ly hôn với chị **D** do anh cho rằng không còn tình cảm với chị **D** nữa, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị **D** và anh **B** đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa cả hai thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị **D** và anh **B**.

[3]Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Đăng **KH**, sinh ngày 21/4/2019, hiện do chị **D** nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh **B** và chị **D** thống nhất giao con chung cho chị **D** được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh **B** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Anh **B** và chị **D** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh **B** và chị **D** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thùy **D** và anh Nguyễn Thanh **B**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy **D** và anh Nguyễn Thanh **B** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng **KH**, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Thùy **D** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thanh **B** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy **D** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị **D** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000965 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã Thới Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.